

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**



## MỤC LỤC

---

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	08
Thuyết minh báo cáo tài chính	09 - 23

# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, Xã Tam Bó, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hiệp Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### 1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Hiệp Thành được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5800255574 ngày 03 tháng 01 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 09 năm 2012.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bó, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 12.600.000.000 đồng.

### 2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh	Ghi chú
Ông Phạm Tuấn Anh	Chủ tịch	
Ông Lê Văn Quý	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Vinh	Thành viên	
Bà Phạm Thị Mỹ Dung	Thành viên	Từ nhiệm ngày 30/06/2015
Ông Nguyễn Văn Trinh	Thành viên	
Ông Trần Đại Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/09/2015

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Văn Hạnh	Trưởng ban
Ông Lê Nam Đồng	Thành viên
Bà Đặng Thu Diễm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Phạm Tuấn Anh	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vinh	Phó Giám Đốc

### 3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

## CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, Xã Tam Bó, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

#### 4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

#### 5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Lâm Đồng, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Giám đốc

**GIÁM ĐỐC**



**PHẠM TUẤN ANH**

Số: 16.117/BCKT-DTL

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Giám Đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hiệp Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 03 năm 2016 từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hiệp Thành vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**ĐẶNG XUÂN CẢNH**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0067-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**



**LỮ NGUYỄN THỦY PHƯƠNG**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1191-2013-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH**

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>27.822.454.510</b>	<b>20.920.274.985</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>4.888.719.505</b>	<b>4.552.723.877</b>
1. Tiền	111		968.719.505	554.723.877
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.920.000.000	3.998.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5.2	<b>11.209.000.000</b>	<b>4.547.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		11.209.000.000	4.547.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.412.634.609</b>	<b>2.160.799.078</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	5.027.499.762	3.158.849.104
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	3.411.672.258	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		64.327.434	71.057.474
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(1.090.864.845)	(1.069.107.500)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.312.100.396</b>	<b>9.659.752.030</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	4.312.100.396	9.659.752.030
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.729.909.645</b>	<b>4.620.651.545</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.729.909.645</b>	<b>3.993.598.366</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	2.716.692.982	3.953.948.370
- Nguyên giá	222		30.468.284.568	31.098.284.568
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.751.591.586)	(27.144.336.198)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	13.216.663	39.649.996
- Nguyên giá	228		79.300.000	79.300.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(66.083.337)	(39.650.004)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>627.053.179</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	627.053.179
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>30.552.364.155</b>	<b>25.540.926.530</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH**

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.103.318.500</b>	<b>6.071.551.839</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.103.318.500</b>	<b>6.071.551.839</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	502.257.342	1.910.093.604
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		97.725.287	58.811.281
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	1.425.329.491	284.911.744
4. Phải trả người lao động	314		3.746.923.851	3.517.145.516
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	139.236.789	46.247.064
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		986.500.000	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		205.345.740	254.342.630
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>23.449.045.655</b>	<b>19.469.374.691</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.7	<b>23.449.045.655</b>	<b>19.469.374.691</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.600.000.000	12.600.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.600.000.000	12.600.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.385.706.581	6.385.706.581
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.463.339.074	483.668.110
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		335.434.125	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.127.904.949	483.668.110
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>30.552.364.155</b>	<b>25.540.926.530</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



ĐOÀN NGỌC TRÂM

Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 21 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI DUYỆT



PHẠM TUẤN ANH

Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH**

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Mẫu số B 02 - DN

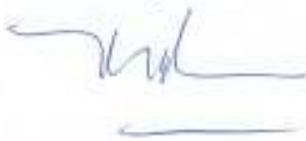
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	47.541.902.473	33.577.855.778
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		47.541.902.473	33.577.855.778
3. Giá vốn hàng bán	11	6.2	36.716.618.943	28.346.502.111
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.825.283.530	5.231.353.667
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	389.224.142	508.412.256
6. Chi phí bán hàng	25		99.370.091	38.025.435
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	2.637.385.967	2.052.949.696
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.477.751.614	3.648.790.792
9. Thu nhập khác	31	6.5	197.690.521	285.667.373
10. Chi phí khác	32	6.6	69.719.492	78.413.045
11. Lợi nhuận khác	40		127.971.029	207.254.328
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.605.722.643	3.856.045.120
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.957.817.694	852.377.010
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.647.904.949	3.003.668.110
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.11.4	5.210	2.319
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.11.4	5.210	2.319

NGƯỜI LẬP BIỂU



**ĐOÀN NGỌC TRÂM**  
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 21 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI DUYỆT



**PHẠM TUẤN ANH**  
Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH**

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

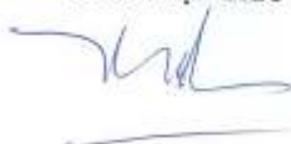
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.605.722.643	3.856.045.120
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		948.688.721	1.113.594.768
Các khoản dự phòng	03		1.008.257.345	(4.958.379)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(12.659.620)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(433.315.051)	(495.752.636)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>10.129.353.658</b>	<b>4.456.269.253</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.273.592.876)	201.496.084
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.347.651.634	559.802.054
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(475.419.203)	670.161.233
Tăng giảm chi phí trả trước	12		627.053.179	(627.053.179)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.452.700.815)	(665.071.867)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(132.665.000)	(116.625.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<b>8.769.680.577</b>	<b>4.478.978.578</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(240.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		359.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17.229.000.000)	(10.058.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.567.000.000	10.803.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		389.224.142	495.752.636
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<b>(5.913.684.949)</b>	<b>1.000.752.636</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(2.520.000.000)	(3.780.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<b>(2.520.000.000)</b>	<b>(3.780.000.000)</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		<b>335.995.628</b>	<b>1.699.731.214</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		<b>4.552.723.877</b>	<b>2.840.333.043</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	12.659.620
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		<b>4.888.719.505</b>	<b>4.552.723.877</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



**ĐOÀN NGỌC TRÂM**  
Kế toán trưởng



Lâm Đồng, ngày 21 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI DUYỆT

**PHẠM TUẤN ANH**  
Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, Xã Tam Bó, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Mẫu số B 09 – DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hiệp Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Xí Nghiệp Hiệp Thành trực thuộc Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng. Ngày 09 tháng 11 năm 1999, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Hiệp Thành theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 059255 ngày 03 tháng 01 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 09 năm 2012.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 12.600.000.000 đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại thôn Hiệp Thành I, Xã Tam Bó, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là người 116 nhân viên (31/12/2014: 140 nhân viên).

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất các sản phẩm gạch, ngói các loại.

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

#### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

#### 2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH**

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, Xã Tam Bồ, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### **3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.1 dưới đây.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **4.1. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới**

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.16.

#### **4.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

#### **4.4. Nợ phải thu**

##### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH**

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, Xã Tam Bồ, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

### ***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **4.5. Hàng tồn kho**

##### ***Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

##### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### ***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, Xã Tam Bồ, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

### 4.6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí sửa chữa tài sản cố định – Nhà phoi;
- Chi phí khoan.

### 4.7. Tài sản cố định hữu hình

#### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

#### *Phương pháp khấu hao*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b>Năm 2015</b>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 14 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 07 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm

### 4.8. Tài sản cố định vô hình

#### *Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

#### *Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình*

##### *Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

### 4.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH**

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, Xã Tam Bồ, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

### **4.10. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

#### ***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập quy định trong Điều lệ Công ty.

### **4.11. Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

### **4.12. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### **4.13. Chi phí tài chính**

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

### **4.14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

### **4.15. Thuế**

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

##### ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

##### ***Chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, Xã Tam Bồ, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

### **Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa đã bán ra trong năm được tính theo mức thuế suất là 10%.

### **Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### **4.16. Số liệu so sánh**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

##### Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Đầu năm (Được báo cáo lại)	VND Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
Tài sản ngắn hạn khác	-	16.225.502
Phải thu ngắn hạn khác	71.057.474	54.831.972
Quỹ đầu tư phát triển	6.385.706.581	5.125.706.581
Quỹ dự phòng tài chính	-	1.260.000.000

##### Báo cáo kết quả kinh doanh (trích)

	Năm trước Được báo cáo lại	VND Năm trước Đã được báo cáo trước đây
Lãi cơ bản trên cổ phần	2.319	2.384

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### **5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

##### **5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tiền mặt	149.013.254	121.142.007
Tiền gửi ngân hàng	819.706.251	433.581.870
Các khoản tương đương tiền	3.920.000.000	3.998.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.888.719.505</u></b>	<b><u>4.552.723.877</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH**

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, Xã Tam Bồ, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

**5.3. Phải thu của khách hàng**

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Ngắn hạn:					
Cửa hàng VLXD Băng Thanh	485.087.347	-	415.006.350	-	
Các khách hàng khác	4.542.412.415	1.090.864.845	2.743.842.754	1.069.107.500	
<b>Cộng</b>	<b>5.027.499.762</b>	<b>1.090.864.845</b>	<b>3.158.849.104</b>	<b>1.069.107.500</b>	
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 7					
Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	56.760.000	-	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>56.760.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	

**5.4. Trả trước cho người bán**

	Cuối năm	Đầu năm	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan – Xem thêm mục 7			
Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	3.411.672.258	-	
<b>Cộng</b>	<b>3.411.672.258</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.5. Nợ Xấu**

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn	1.078.213.695	27.126.722	1.078.213.695	47.495.845	
Tổng giá trị các khoản phải thu khác khách hàng quá hạn	39.777.872	-	38.389.650	-	
<b>Cộng</b>	<b>1.117.991.567</b>	<b>27.126.722</b>	<b>1.116.603.345</b>	<b>47.495.845</b>	

**5.6. Hàng tồn kho**

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Nguyên liệu, vật liệu	2.422.545.299	-	3.169.451.306	-	
Công cụ, dụng cụ	24.083.222	-	37.835.779	-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	248.685.375	-	583.079.671	-	
Thành phẩm	1.616.786.500	-	5.853.395.547	-	
Hàng hóa	-	-	15.989.727	-	
<b>Cộng</b>	<b>4.312.100.396</b>	<b>-</b>	<b>9.659.752.030</b>	<b>-</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH**

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, Xã Tam Bồ, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	VND	
					Tổng cộng	
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	9.671.305.936	20.146.970.832	1.153.100.000	126.907.800	31.098.284.568	
Thanh lý, nhượng bán	-	(630.000.000)	-	-	(630.000.000)	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.671.305.936</b>	<b>19.516.970.832</b>	<b>1.153.100.000</b>	<b>126.907.800</b>	<b>30.468.284.568</b>	
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	9.474.256.899	16.842.325.465	734.238.889	93.514.945	27.144.336.198	
Khấu hao trong năm	92.240.199	723.324.712	98.833.333	7.857.144	922.255.388	
Thanh lý, nhượng bán	-	(315.000.000)	-	-	(315.000.000)	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.566.497.098</b>	<b>17.250.650.177</b>	<b>833.072.222</b>	<b>101.372.089</b>	<b>27.751.591.586</b>	
Giá trị còn lại:						
Tại ngày đầu năm	197.049.037	3.304.645.367	418.861.111	33.392.855	3.953.948.370	
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>104.808.838</b>	<b>2.266.320.655</b>	<b>320.027.778</b>	<b>25.535.711</b>	<b>2.716.692.982</b>	

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 22.485.718.441 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH**

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, Xã Tam Bồ, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	VND
Khoản mục	Phần mềm máy vi tính
Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	79.300.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>79.300.000</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số dư đầu năm	39.650.004
Khấu hao trong năm	26.433.333
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>66.083.337</b>
Giá trị còn lại:	
Tại ngày đầu năm	39.649.996
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>13.216.663</b>

**5.9. Phải trả người bán**

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:					
DNTN Cơ Khí Tân Hoàng Long	205.405.200	205.405.200	-	-	
Công ty TNHH Trang Phước Lộc	74.190.000	74.190.000	76.968.330	76.968.330	
Phải trả cho các đối tượng khác	222.662.142	222.662.142	1.833.125.274	1.833.125.274	
<b>Cộng</b>	<b>502.257.342</b>	<b>502.257.342</b>	<b>1.910.093.604</b>	<b>1.910.093.604</b>	
Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 7					
Công Ty Cổ Phần Khoáng Sân Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	-	-	1.758.900.000	1.758.900.000	
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.758.900.000</b>	<b>1.758.900.000</b>	

## CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, Xã Tam Bồ, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

### 5.10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	VND Cuối năm
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	135.770.897	4.805.261.756	4.255.108.579	685.924.074
Thuế thu nhập doanh nghiệp	132.914.397	2.022.383.569	1.452.700.815	702.597.151
Thuế thu nhập cá nhân	16.226.450	134.878.112	114.296.296	36.808.266
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>284.911.744</b>	<b>6.965.523.437</b>	<b>5.825.105.690</b>	<b>1.425.329.491</b>

### 5.11. Vốn chủ sở hữu

#### 5.11.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	12.600.000.000	6.310.790.032	1.416.079.086	20.326.869.118
Lãi trong năm trước	-	-	3.003.668.110	3.003.668.110
Trích lập quỹ	-	74.916.549	(74.916.549)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(81.162.537)	(81.162.537)
Chia cổ tức năm 2013	-	-	(1.260.000.000)	(1.260.000.000)
Chia cổ tức năm 2014	-	-	(2.520.000.000)	(2.520.000.000)
Số dư đầu năm nay	12.600.000.000	6.385.706.581	483.668.110	19.469.374.691
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	6.647.904.949	6.647.904.949
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(83.668.110)	(83.668.110)
Giảm khác	-	-	(64.565.875)	(64.565.875)
Chia cổ tức năm 2015	-	-	(2.520.000.000)	(2.520.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>12.600.000.000</b>	<b>6.385.706.581</b>	<b>4.463.339.074</b>	<b>23.449.045.655</b>

#### 5.11.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng	7.562.600.000	7.562.600.000
Vốn góp của các đối tượng khác	5.037.400.000	5.037.400.000
<b>Cộng</b>	<b>12.600.000.000</b>	<b>12.600.000.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, Xã Tam Bồ, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

### 5.11.3. Cổ phiếu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	1.260.000	1.260.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	1.260.000	1.260.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	1.260.000	1.260.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

### 5.11.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi/(Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	6.647.904.949	3.003.668.110
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(83.686.110)	(81.162.537)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	1.260.000	1.260.000
<b>Lãi/(Lỗ) cơ bản và suy giảm trên cổ phần</b>	<b>5.210</b>	<b>2.319</b>

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

### 6.1. Doanh thu bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán gạch 4 lỗ tròn 7.5A	7.591.236.535	7.750.096.047
Doanh thu bán gạch 6 lỗ tròn 7.5A	27.285.352.664	17.204.549.853
Doanh thu bán gạch 6 lỗ tròn 7.5B	1.446.347.992	1.295.417.641
Doanh thu bán gạch 6 lỗ tròn 7MA	8.577.756.124	4.652.073.622
Doanh thu bán các sản phẩm còn lại	2.641.209.158	2.675.718.615
<b>Cộng</b>	<b>47.541.902.473</b>	<b>33.577.855.778</b>

### 6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của gạch 4 lỗ tròn 7.5A đã bán	6.007.734.022	6.741.067.129
Giá vốn của gạch 6 lỗ tròn 7.5A đã bán	21.219.599.862	13.856.481.753
Giá vốn của gạch 6 lỗ tròn 7.5B đã bán	1.322.362.966	1.235.212.204
Giá vốn của gạch 6 lỗ tròn 7MA đã bán	6.190.843.912	3.857.910.188
Giá vốn của các sản phẩm còn lại	1.976.078.181	2.655.830.837
<b>Cộng</b>	<b>36.716.618.943</b>	<b>28.346.502.111</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, Xã Tam Bồ, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	389.224.142	495.752.636
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	12.659.620
<b>Cộng</b>	<b>389.224.142</b>	<b>508.412.256</b>

### 6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.240.535.732	1.237.491.383
Chi phí vật liệu quản lý	90.824.746	143.285.317
Chi phí đồ dùng văn phòng	94.606.190	112.546.623
Chi phí khấu hao TSCĐ	73.123.810	77.896.382
Thuế, phí và lệ phí	187.156.064	5.737.455
Chi phí dự phòng	21.757.345	(4.958.379)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	230.427.650	129.006.574
Chi phí bằng tiền khác	698.954.430	351.944.341
<b>Cộng</b>	<b>2.637.385.967</b>	<b>2.052.949.696</b>

### 6.5. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	44.090.909	-
Thu nhập từ bán phế liệu, phế phẩm	135.805.435	142.099.211
Thu nhập khác	17.794.177	143.568.162
<b>Cộng</b>	<b>197.690.521</b>	<b>285.667.373</b>

### 6.6. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt, truy thu thuế	26.726.226	8.905.455
Chi phí khác	42.993.266	69.507.590
<b>Cộng</b>	<b>69.719.492</b>	<b>78.413.045</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, Xã Tam Bó, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

### 6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.004.217.034	13.524.766.438
Chi phí nhân công	12.714.692.213	12.683.550.530
Chi phí khấu hao tài sản cố định	948.688.721	1.113.594.768
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.161.336.008	2.684.464.070
Chi phí khác bằng tiền	1.053.437.682	422.042.458
<b>Cộng</b>	<b>34.882.371.658</b>	<b>30.428.418.264</b>

### 6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.902.597.151	852.377.010
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	55.220.543	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.957.817.694</b>	<b>852.377.010</b>

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	8.605.722.643	3.856.045.120
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	42.446.226	31.055.455
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(12.659.620)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	8.648.168.869	3.874.440.955
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.902.597.151	852.377.010
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	55.220.543	-
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>1.957.817.694</b>	<b>852.377.010</b>

## 7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty cùng tập đoàn

**CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH**

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, Xã Tam Bồ, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Phải thu khách hàng – Xem thêm mục 5.3:		
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	56.760.000	-
<b>Cộng</b>	<b>56.760.000</b>	<b>-</b>

	Năm nay	VND Năm trước
Trả trước người bán – Xem thêm mục 5.4:		
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	3.411.672.258	-
<b>Cộng</b>	<b>3.411.672.258</b>	<b>-</b>

	Năm nay	VND Năm trước
Phải trả người bán – Xem thêm mục 5.9:		
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	-	(1.758.900.000)
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>(1.758.900.000)</b>

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Bán hàng:		
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	51.600.000	-
<b>Cộng</b>	<b>51.600.000</b>	<b>-</b>

	Năm nay	VND Năm trước
Mua hàng nguyên vật liệu:		
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	6.956.387.725	2.710.996.985
<b>Cộng</b>	<b>6.956.387.725</b>	<b>2.710.996.985</b>

	Năm nay	VND Năm trước
Mua Công cụ, dụng cụ:		
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, Xã Tam Bồ, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chia cổ tức:		
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	1.512.520.000	2.249.390.000
<b>Cộng</b>	<u>1.512.520.000</u>	<u>2.249.390.000</u>

Thủ lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc được chi tiết như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thủ lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	376.000.000	384.000.000
Thu nhập Ban Giám đốc	490.221.621	629.304.190
<b>Cộng</b>	<u>866.221.621</u>	<u>1.013.304.190</u>

### 8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

### 9. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 21 tháng 03 năm 2016.

NGƯỜI LẬP



**ĐOÀN NGỌC TRÂM**  
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 21 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI DUYỆT



**PHẠM TUẤN ANH**  
Giám đốc